

# Vai trò của văn hóa và kiến thức văn hóa nền trong việc hình thành và tiếp nhận diễn ngôn

Ngô Hữu Hoàng\*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài : 25 tháng 12 năm 2011

Nhận đăng : 20 tháng 3 năm 2012

**Tóm tắt.** Văn hóa luôn tiềm ẩn trong diễn ngôn. Vì vậy khi giao tiếp người nói/viết cũng như người tiếp thụ diễn ngôn không thể không có vốn kiến thức nền về văn hóa của cộng đồng bản ngữ. Bài viết thảo luận vai trò của văn hóa và kiến thức văn hóa nền trong tạo lập và tiếp nhận diễn ngôn thông qua mối quan hệ với (1) năng lực diễn ngôn (2) mạch lạc diễn ngôn, và (3) giao tiếp liên văn hóa. Qua đó, bài viết quan niệm rằng, về nguyên tắc, người giao tiếp càng có nhiều kiến thức và kinh nghiệm sống cũng như trình độ văn hóa, giáo dục cao thì càng có năng lực diễn ngôn cao. Bên cạnh đó, kiến thức văn hóa nền cũng giúp kiến tạo mạch lạc diễn ngôn. Cuối cùng, kiến thức văn hóa nền cũng quyết định phần lớn thành công trong bối cảnh giao tiếp liên văn hóa.

*Từ khóa:* văn hóa, kiến thức văn hóa, diễn ngôn, năng lực diễn ngôn, mạch lạc, giao tiếp liên văn hóa.

*Ngôn ngữ chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn bạn tưởng, và văn hóa là nơi mà bạn tìm thấy được những ý nghĩa ấy” (Language carries more meaning than you ever dreamed, and culture is where you find them.) Michael Agar [1]*

## 1. Dẫn nhập

Trong giao tiếp hằng ngày, diễn ngôn mang trong nó những nét đặc thù văn hóa, xã hội của cộng đồng sản sinh ra nó, dù đó là một văn bản dài như bài diễn văn của các chính khách hay chỉ là một câu chào hỏi xã giao, trao đổi thông tin giữa hai thành viên xã hội mỗi ngày. Thế nhưng, Bloomfield trong công trình nổi tiếng

của mình, *The Language* [2], tuy theo hướng mô tả hình thức ngôn ngữ, đã mở đầu bằng một nhận định rất hợp lí rằng: “Có lẽ vì sự quá quen thuộc của ngôn ngữ đến độ chúng ta coi nó như việc chúng ta đi, chúng ta thờ hằng ngày nên chúng ta rất ít khi quan sát nó”. Một người bản ngữ thường vẫn có suy nghĩ về việc sử dụng ngôn ngữ kiểu như “Tôi nói những gì tôi hiểu” và “Tôi hiểu những gì tôi nghe”. Thật vậy, khi quan sát mẫu đối thoại sau đây giữa hai người dân Hà Nội:

\* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-1647 087 320  
Email: hhoang161@yahoo.com

(1) A: *Hôm nay rét quá.*

B: *Mai ông Táo về trời rồi còn gì!*

A: *Thế à! Mua cá chép chưa?*

...

thì một người nói tiếng Việt, đặc biệt sống ở vùng Bắc Bộ, thấy rất đổi bình thường, tương chừng như chẳng có gì đáng quan tâm. Tuy nhiên, diễn ngôn giống như một tảng băng trôi, qua đó những điều đơn giản chỉ là phần nổi có thể thấy được của tảng băng. Quan sát phần chìm, chúng ta có thể nhận ra hàng loạt các vấn đề ngoài ngôn ngữ mang đậm nét văn hóa, tuy không được nói ra nhưng lại là nền tảng hoạt động của diễn ngôn. Những yếu tố này luôn có mối quan hệ đan xen nhau, đòi hỏi sự quan sát nhạy bén, phân tích phức hợp. Cụ thể với mẫu đối thoại trên, A và B không cần phải nói ra ông Táo là ai, khi nào là thời điểm “về trời” của ông Táo, tại sao là cá chép mà không phải là bất kỳ một loại cá nào khác,... Bởi lẽ, đó là kiến thức văn hóa như kiến thức nền mà hai người cùng có, cùng chia sẻ để “điều hành” diễn ngôn. Chính đó là “Tôi nói những gì tôi hiểu” và “Tôi hiểu những gì tôi nghe”. Chỉ cần một trong hai thành viên giao tiếp không có nền tảng văn hóa với vấn đề mà họ đang nói thì họ không thể nào hiểu nhau, hoặc chỉ ít, không thể có những thông điệp giao tiếp bản ngữ hoàn chỉnh và trôi chảy giữa họ, những người nói tiếng Việt, như trong mẫu đối thoại trên. Từ suy nghĩ này, chúng tôi xin có một vài thảo luận tản mạn về vai trò của văn hóa và kiến thức văn hóa nền (sau đây sẽ được gọi chung là kiến thức văn hóa nền-viết tắt là KTVH nền) trong tạo lập và tiếp nhận diễn ngôn thông qua mối quan hệ giữa (1) KTVH nền với năng lực diễn ngôn (2) KTVH với việc kiến tạo mạch lạc diễn ngôn, và (3) KTVH nền trong giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication).

## 2. KTVH nền với năng lực diễn ngôn

2.1. *KTVH nền có thể coi như kiến thức mà qua đó diễn ngôn được hình thành và phát triển.*

Theo Nguyễn Hòa [3], kiến thức nền “được hiểu như là kiến thức văn hóa và kiến thức về tất cả các loại thế giới bao gồm cả thế giới thực hữu và thế giới tưởng tượng, về kinh nghiệm, về các qui tắc hành xử trong xã hội và giao tiếp” hoặc theo Cutting [4], đơn giản đó là những gì mà “người nói biết về nhau và biết về thế giới” (What speaker know about each other and the world) hoặc đó là “những gì mà hầu hết mọi người có trong tư duy về những lĩnh vực của cuộc sống” (It refers to what most people carry with them in their minds, about areas of life).

Không khó khăn để nhận thấy rằng người giao tiếp đã sử dụng KTVH nền để hiểu diễn ngôn. Yule [5] đưa ra thuật ngữ “lược đồ” (schema) để chỉ một cấu trúc kiến thức mang tính qui ước (conventional knowledge structure) mà tác giả cho rằng nó tồn tại trong tư duy người nói và được sử dụng trong việc hiểu những gì đã hoặc/và đang trải nghiệm. Quay lại với ví dụ (1) ở phần giới thiệu, người ta có thể thấy (A) và (B) vốn đã có sẵn một lược đồ tổng quát về sự việc “trời rét” (vào mùa đông), “ông Táo”, “cá chép”, và mối quan hệ của các khái niệm này tạo mạch lạc cho diễn ngôn (Xem 3. *KTVH nền với mạch lạc diễn ngôn*). Từ đó, theo lí thuyết “lược đồ” của Yule, kịch bản (script) đã xảy ra với mẫu đối thoại gồm có một loạt các hoạt động hoặc thông tin qui ước, không cần được nói trong diễn ngôn:

*Mối quan hệ thời điểm và sự kiện ông Táo về trời;*

*Ông Táo là gì (ai) ;*

*Cá chép trong mối quan hệ với ông Táo ;*

...

Van Dijk [6] đưa ra một lí thuyết dựa trên khái niệm được gọi là “mô hình” (model). Tác giả nhấn mạnh chức năng của mô hình ngữ cảnh (context model). Theo tác giả, một trong những chức năng quan trọng của mô hình ngữ cảnh là chức năng điều hành kiến thức thông qua tương tác. Có nghĩa là người sử dụng ngôn ngữ cần phải gắn đặt diễn ngôn và hành động của họ với kiến thức vốn đã được mặc định bởi các bên giao tiếp. “Cái mặc định” này được hiểu như là “cái không nói ra”, “cái được tiền giả định” trong diễn ngôn và cũng chính là KTVH nền mà người thiết lập diễn ngôn cũng như tiếp thu diễn ngôn cần có.

*2.2. Nói đến KTVH nền là nói đến khối lượng và chất lượng của KTVH nền mà một người bản ngữ có được vào thời điểm phát ngôn.*

Nói cách khác, nó thuộc về “năng lực diễn ngôn” (discourse competence) của người giao tiếp. Vấn đề này đã được quan tâm khá nhiều trong ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ học ứng dụng nói riêng. Tuy nhiên, hầu hết các lí thuyết vẫn chưa thoát được tầm ảnh hưởng sâu nặng của cấu trúc luận và chưa quan tâm đúng mức đến năng lực thuộc “phần chìm” của tầng băng trôi diễn ngôn, nơi ấy người ta “làm đầy” và hiểu diễn ngôn trong giao tiếp nhờ có KTVH nền của cộng đồng bản ngữ của người giao tiếp. Các nhà nghiên cứu ngữ dụng học, phân tích diễn ngôn, phân tích diễn ngôn phê phán, nổi bật là van Dijk đã nhấn mạnh diễn ngôn là “một phần của xã hội và văn hóa” [6], là hoạt động giao tiếp xã hội mà qua đó, các thành viên trước hết phải có một nền tảng KTVH nền để tạo cho mình một năng lực diễn ngôn thích hợp. Tất nhiên còn có rất nhiều yếu tố quan trọng khác để hình thành năng lực diễn ngôn nhưng về

nguyên tắc, trước hết chính KTVH nền giúp chúng ta mô tả, thông báo, bình luận, chia sẻ thông tin về sự kiện, hiện tượng thế giới xung quanh và tạo lập, duy trì quan hệ xã hội, v.v. Ví dụ, chưa cần nói đến khả năng từ pháp, ngữ pháp và phát âm của diễn ngôn thì thông thường, một đứa trẻ lúc 10 tuổi sẽ tạo lập diễn ngôn rất khác so với lúc nó chỉ mới 5 tuổi. Nhưng cái khác đó là do đâu? Hãy quan sát ngữ cảnh đêm giao thừa, lúc còn 5 tuổi, đứa trẻ hỏi bố mẹ nó:

*(2) Sao Tết lại phải về thăm ông bà hả bố/mẹ?*

Nhưng cũng trong một đêm giao thừa khác, năm cái tết sau, đứa trẻ ấy hỏi:

*(2') Tết này mừng mấy mình về thăm ông bà hả bố/mẹ?*

Tại sao có sự khác nhau như thế với cùng một chủ thể phát ngôn? Nguyên nhân chắc chắn chính là sự khác biệt thời điểm phát ngôn dẫn đến sự khác biệt về KTVH nền của đứa trẻ. Phát ngôn (2') đã nói lên được rằng đứa trẻ (giờ đã 10 tuổi), trong những năm sau đó, đã tích lũy được kinh nghiệm về “Tết” và kinh nghiệm ấy đã trở thành kiến thức mặc nhiên của nó, là nền tảng cho nó hình thành diễn ngôn có trí tuệ và tư duy hơn, chứa đựng ý đồ giao tiếp mang tính bản ngữ hơn. Lược đồ văn hóa trong tư duy của nó có một kịch bản ổn định: “Nói đến Tết là nói đến về quê thăm ông bà”. Nói cách khác, sau một thời gian, trong quan sát (vô thức cũng như ý thức), đứa trẻ đã học và thấm dầm cuộc sống văn hóa của cộng đồng nơi nó lớn lên, các sinh hoạt của những ngày cuối năm và đầu năm âm lịch, cái được gọi trong ngôn từ tiếng Việt là “Tết” đã trở thành KTVH nền và được lưu trữ vô thời hạn trong mô hình ngữ cảnh của đứa trẻ.

Như vậy, có thể nói, chính khối lượng và chất lượng của KTVH nền được lưu trữ trong

bộ nhớ của mỗi thành viên giao tiếp làm nên sự khác biệt về tạo lập và hiểu diễn ngôn trong mỗi thời điểm khác nhau. Và, hiện tượng này cũng tương tự khi xét năng lực giữa các thành viên trưởng thành khác nhau của cộng đồng bản ngữ. Người này sẽ có năng lực diễn ngôn kém hoặc hơn người kia nhờ những ảnh hưởng của KTVH nên có được các yếu tố kinh nghiệm, giáo dục, v.v. Bên cạnh đó, tất nhiên, về nguyên tắc, đây là một tỉ lệ thuận: Kiến thức được lưu trữ càng nhiều, khả năng thông báo và tiếp nhận thông tin càng cao, càng rõ ràng. Chẳng hạn, như ví dụ (2) và (2'), có phần chắc rằng năng lực diễn ngôn của đứa trẻ khi nó lên 10 sẽ tốt hơn so với lúc nó còn 5 tuổi nhờ khối lượng và chất lượng KTVH nền của nó. Ngoài ra, KTVH nền càng đóng vai trò quan trọng khi diễn ngôn có sự xuất hiện của các yếu tố thành ngữ, hàm ngôn hay kiến thức chuyên môn (specialized knowledge). Ví dụ:

2.3) *Nhà nông bán mặt cho đất, bán lưng cho trời mới làm ra được hạt gạo.*

Trong ví dụ (3), nếu người nghe/đọc không có kiến thức về thành ngữ, một chút kiến thức về chuyên môn (nông nghiệp), tức là thao tác trồng lúa của nông dân thì cũng không hiểu ý nghĩa văn hóa của thành ngữ *bán mặt cho đất, bán lưng cho trời*, kéo theo việc không hiểu hàm ngôn về sự vất vả của người làm ra lúa gạo.

### 3. KTVH nền với mạch lạc diễn ngôn (coherence/relevance)

Bài viết này không có ý định đi sâu vào khái niệm “mạch lạc” trong diễn ngôn mà chỉ xác định nó trong mối quan hệ với KTVH nền. Về cơ bản, mạch lạc của diễn ngôn được thiết lập bởi nhiều yếu tố nhưng yếu tố đầu tiên có thể nhận thấy là yếu tố ngoài ngôn ngữ. Chúng

tôi hoàn toàn chia sẻ với ý kiến của Nguyễn Hòa [3] rằng “các yếu tố ngôn ngữ phản ánh nội dung ngoài ngôn ngữ, và các nội dung ngoài ngôn ngữ lại tác động lên diện mạo của các yếu tố ngôn ngữ”. Hai quá trình này, trên cơ sở KTVH nền, dẫn đến sự “thỏa thuận” thông tin được “làm sẵn” không cần phải nói ra trong diễn ngôn nhưng giúp họ hiểu diễn ngôn mà không cần phải có sự can thiệp của bất kì một yếu tố hình thức ngôn ngữ nào khác nữa. Đó là mạch lạc. Ví dụ, trong một tình huống ở xã hội Mỹ, người chồng bỗng nhiên thức dậy vào lúc 1 giờ sáng và chuẩn bị lấy xe đi đâu đấy, người vợ lấy làm ngạc nhiên về điều đó. Sau đây là mẫu thoại giữa hai người:

4) Vợ: *What's the matter, Jack? Why are you getting up too early?*

Chồng: *It's a Black Friday today, honey!*

Vợ: *Oh, I see, good luck, honey!*

Câu trả lời của người chồng đã hóa giải những thắc mắc của người vợ về hành động dậy sớm của chồng mình (thông qua câu trả lời cuối cùng). Người vợ đã hoàn toàn hiểu được lí do chồng mình dậy sớm mà không cần được giải thích thêm nhờ vào lược đồ văn hóa hay nói theo van Dijk là mô hình ngữ cảnh của người vợ chứa đựng vốn kiến văn giữa các chủ thể giao tiếp có chung KTVH nền. Cụ thể là tập ngữ “Black Friday” được người vợ giải mã. Nó hàm chứa trong diễn ngôn như kiến thức văn hóa mặc định, được tiền giả định trong diễn ngôn rằng: *ngày thứ Sáu sau ngày lễ Tạ Ơn (Thanksgivings luôn luôn rơi vào ngày thứ Năm thứ 4 của tháng 11) ở Mỹ là ngày mở đầu cho một mùa mua sắm chuẩn bị lễ Giáng Sinh. Trong ngày thứ Sáu này, các siêu thị bán lẻ mở cửa rất sớm (thường là 4 giờ sáng hoặc có thể sớm hơn) để bán hàng giảm giá nhưng số lượng có hạn. Người Mỹ muốn mua được ít nhất một*

*món hàng giảm giá trong ngày để lấy hên nên họ tranh nhau xếp hàng rất sớm, coi như một sinh hoạt văn hóa vui vẻ và truyền thống của họ.*

(Nguồn:

[http://en.wikipedia.org/wiki/Black\\_Friday](http://en.wikipedia.org/wiki/Black_Friday)).

Như vậy, nghĩa “phản chìm” của nó làm nên mạch lạc vì nó hoàn toàn có mối quan hệ với việc “dậy sớm” của người chồng. Từ nghĩa của “phản chìm” ấy, các “phản chìm” khác của diễn ngôn, bằng những “kịch bản” có sẵn (scripts) trong mô hình ngữ cảnh của người vợ, lần lượt được làm rõ qua sự “diễn dịch” câu trả lời của người chồng, chẳng hạn, ông sẽ đến một siêu thị nào đó, xếp hàng, và tranh thủ mua một hoặc một vài món đồ giảm giá,... Nói một cách ngắn gọn, người vợ có thể hiểu hàm ngôn của người chồng thông qua KTVH nền của bà xuất phát từ sự giải mã ý nghĩa tiền giả định của “Black Friday” trong diễn ngôn. Vì vậy khi bà chúc chồng may mắn bằng cách nói “good luck”, người chồng cũng hoàn toàn có thể “giải mã” hàm ngôn của vợ là bà mong chồng mua được một món hàng ưng ý. Mẫu đối thoại nhờ đây mà hoàn toàn mạch lạc. Nếu thay “Black Friday” bằng “July 4” hoặc “New Year Day” hoặc “Nine One One” thì mạch lạc này sẽ không còn tồn tại nữa vì KTVH nền, nói cách khác là kiến thức “ngoài ngôn ngữ” của người vợ về những từ ngữ ấy không giống như “Black Friday”.

Qua đó, có thể nói KTVH nền là thông tin không được đề cập đến trong diễn ngôn vì nó vốn được chứa đựng trong “mô hình ngữ cảnh” của người nói và người nghe và họ mặc nhiên mỗi bên đều phải biết. Van Dijk [6] phát biểu rằng ‘điều này cho phép người nói/đọc chọn lọc thông tin có quan hệ đã có trong mô hình tư duy trừu tượng của họ về các sự kiện muốn nói hoặc viết’. Theo chúng tôi, đó là một “cơ chế ngầm” kích hoạt và duy trì hoạt động diễn ngôn, nghĩa là, nó “điều hành” cơ cấu diễn ngôn sao cho

chuỗi này gắn kết với chuỗi kia để mạch lạc về nghĩa mà không cần thiết có một qui ước hình thức nào. Nếu không có cơ chế này, một cách nói có tính “siêu ngôn ngữ” phải được sử dụng thường xuyên (như kiểu giải thích ngày “Black Friday” bên trên) để có mạch lạc. Tình hình như vậy là khó có thể xảy ra trong giao tiếp bản ngữ bình thường vì không ai có thể có đủ thời gian và sự kiên nhẫn để luôn “giải đáp” kiến thức cho người nghe vì thông thường họ đã mặc nhiên cho rằng đối tác có năng lực tối thiểu để giao tiếp. Nhờ “cảm nhận” và “chấp nhận” yếu tố “ngoài ngôn ngữ” (rất trừu tượng) thông qua việc chia sẻ KTVH nền (cũng rất trừu tượng), các thành viên giao tiếp có thể gắn kết và hiểu diễn ngôn của nhau. Nói cách khác, cho dù các chuỗi diễn ngôn có thể nào trong mối quan hệ về hình thức thì chúng vẫn mạch lạc trong sự tương tác giữa thành phần giao tiếp nhờ có KTVH “làm sẵn” trong lược đồ văn hóa của họ.

#### **4. KTVH nền với giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication)**

##### *4.1. Bàn về giao tiếp liên văn hóa*

Nguyễn Hòa [3] đã đặt vấn đề (1) *Về thực chất mối quan hệ giữa văn hóa và giao tiếp là gì?*; (2) *Yếu tố gì trong văn hóa thực sự tác động đến giao tiếp liên văn hóa?* Không phải ngẫu nhiên mà hai câu hỏi trên cũng chính là mối quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội, phân tích diễn ngôn, ngữ dụng học cũng như những chuyên ngành tương cận hiện nay. Trong giới hạn của phần này, chúng tôi chỉ xin bàn đến một trong những tác động quan trọng là KTVH nền lên quá trình giao tiếp liên văn hóa. Cụ thể hơn, KTVH nền tác động thế nào lên việc thành lập và hiểu diễn ngôn của các thành viên đến từ các nền văn hóa khác nhau.

Như đã biết, khi nhiều người khác văn hóa, vì những lí do, mục đích nào đó, đến với nhau, cố gắng hiểu nhau thông qua một ngôn ngữ mà ít nhất một trong các bên giao tiếp coi là ngôn ngữ trung gian thì quá trình giao tiếp có khả năng không diễn ra trơn tru, suôn sẻ như giao tiếp nội văn hóa. Có những khó khăn hoặc thậm chí thất bại trong loại giao tiếp này với lí do không chỉ vì thiếu hụt từ vựng, cú pháp mà còn là sự nghèo nàn về KTVH nền của nhau. Chúng tôi xin kể hai câu chuyện hoàn toàn có thật và cũng hoàn toàn hợp lí khi chúng đã xảy ra.

Câu chuyện thứ nhất về một sinh viên người Mỹ sang Việt Nam học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam tại Hà Nội. Tên anh ta là Brian. Sau một năm miệt mài học tập, vốn tiếng Việt của Brian khá tốt để giao tiếp. Một hôm, anh ta đã có một cuộc nói chuyện tay ba với hai cô sinh viên Hà Nội bằng tiếng Việt. Chuyện qua chuyện về, có lúc Brian nghe được hai cô gái nói như sau:

(5) Cô gái A: *Bố tớ năm sau về hưu rồi.*

Cô gái B: *Thế à? Vậy là bố cậu nhiều hơn bố tớ ba tuổi đấy.*

Brian định hỏi hai cô gái ngay lúc ấy nhưng chủ đề của cuộc đối thoại thay đổi quá nhanh khiến anh ta không kịp bày tỏ những thắc mắc của mình với hai cô gái, nhất là về số tuổi của hai người bố. Brian mang luôn thắc mắc này về Mỹ và cho đến khi gặp tôi, anh ta mới hiểu bố cô gái (A) là 59 tuổi và bố cô gái (B) là 56 tuổi dựa trên một tiền giả định và cũng là KTVH nền của hai cô gái mà Brian không biết: *Ở Việt Nam, theo luật định, viên chức là nam giới về hưu lúc 60 tuổi.* Một KTVH nền khác, cũng không kém trừu tượng và thú vị mà nếu Brian là người Việt thì chắc tôi chẳng mất nhiều thời gian để giải thích với anh ta, đó là tại sao người Việt Nam rất hay nói về tuổi tác.

Câu chuyện thứ hai liên quan đến chính bản thân người viết bài này trong những ngày tháng đầu tiên sống và làm việc trên đất Mỹ. Tôi nói với một người Mỹ mới quen trên xe buýt rằng tôi sẽ ở Mỹ không lâu nên không muốn mua giường tủ, bàn ghế mới mà chỉ cần tìm mua các thứ cũ, dùng rồi để có giá rẻ hơn. Anh ta lập tức khuyên tôi tìm đến một “yard sale”. Sau khi nghe anh ta khuyên như vậy, tôi cả mừng và bỏ ra suốt ngày hôm ấy để đi tìm một cửa hiệu có tên “yard sale” hay chí ít cũng có một đặc tính nào đó có quan hệ với từ này. Kết quả tôi đã trở về tay không. Tôi thất bại vì đã thiếu hai kiến thức. Một là, “yard sale” chẳng phải một cửa hiệu buôn bán chuyên nghiệp gì cả. Đó chỉ là một danh từ chỉ một hoạt động mua bán dân dã, xảy ra trên sân nhà (yard) của những gia đình Mỹ, nơi đó họ bày bán rất rẻ (sale) bất kì đồ đạc gì họ không cần sử dụng nữa. Hai là, cũng không kém phần thú vị, hoạt động này chỉ xảy ra vào những ngày cuối tuần (vì cuối tuần thì người ta mới rảnh rỗi để làm công việc mua bán lật vật này). Không may cho tôi, hôm ấy lại là thứ Năm! Anh chàng người Mỹ trên xe buýt đã khuyên tôi đến đúng chỗ nhưng đã quên một điều là tôi không phải là người Mỹ như anh ta và tệ hại hơn, chỉ mới đặt chân lên đất Mỹ vài ngày. Anh ta đã quên sử dụng “siêu ngôn ngữ” (mà trong tình huống này là rất cần thiết) để giải thích “yard sale” là gì cho tôi hiểu. Rõ ràng, cái mà người ta cho rằng thuộc ngữ âm, từ vựng và cú pháp không hề có tác động gì trong hai câu chuyện trên. Bằng chứng là nếu nói Brian không hiểu diễn ngôn thì sao anh ta cứ canh cánh mãi số tuổi của hai người bố. Còn tôi, nếu không hiểu thì cũng không mất công một ngày để đi tìm cái gọi là “yard sale” trong ngày thứ Năm. Nhưng nói “hiểu” thì cũng không đúng khi mà cả Brian và tôi đều thất bại vì không tìm ra được “đáp số” của diễn ngôn.

4.2. Với tình hình đó, có thể hiểu rằng trong bất kì cơ hội gặp gỡ, tiếp xúc nào giữa các thành viên khác văn hóa với nhau, KTVH nền vẫn luôn là yếu tố vô cùng quan trọng để giao tiếp thành công và chắc chắn họ phải nhận ra rằng “họ có thể nắm bắt được các từ ngữ nhưng không dễ dàng nắm bắt được các thông điệp truyền tải” [7].

KTVH nền đóng một vai trò quan trọng trong năng lực giao tiếp liên văn hóa vì nó cũng là một trong các chuẩn mực làm nên năng lực diễn ngôn trong giao tiếp với các thành viên khác văn hóa. Luke Prodromou [8] nhận định “kiến thức về văn hóa đích luôn là một bộ phận quan trọng của quá trình học ngoại ngữ, đặc biệt là các bậc cao”. Saville-Troike [9] đề nghị một người học ngoại ngữ nên được đào tạo ba năng lực là 1) Kiến thức ngôn ngữ (linguistic knowledge) 2) Kỹ năng tương tác (interactive skills) và 3) Kiến thức văn hóa (cultural knowledge). Thoạt nhìn, người ta cứ tưởng chỉ có năng lực (2) và (3) là thuộc về KTVH nền nhưng qua thực tế, dễ thấy ngay cả trong năng lực (1) (kiến thức về ngôn ngữ) cũng vẫn tiềm ẩn KTVH nền một cách sâu sắc. Điều này càng thể hiện rõ thông qua kiến thức về từ vựng (như các ví dụ trên trong bài viết). Về nguyên tắc, từ ngữ khi đã được dùng trong diễn ngôn, tức là xuất hiện trong một văn bản với một ngữ cảnh cụ thể nào đó đều mang trong nó những ý nghĩa văn hóa xã hội của cộng đồng bản ngữ sản sinh ra nó.

Ngoài ra, có sự khác biệt lớn giữa năng lực diễn ngôn trong giao tiếp nội văn hóa và liên văn hóa, đó là, với người bản ngữ, đa phần KTVH nền thuộc về “ngữ năng mang tính bản năng” trong khi đối với người nước ngoài thì KTVH nền cần được cung cấp và luyện tập. Ví dụ, mặc dầu tiếng Việt là ngôn ngữ của một nền văn hóa tôn ti, với một hệ thống đại từ xưng hô phong phú và phức tạp, nhưng đối với một

người Việt đã trưởng thành thì khả năng làm chủ nó là chuyện bất tất phải bàn cãi. Tuy nhiên, đối với người nước ngoài (như anh chàng sinh viên Mỹ nói trên) thì tình hình sẽ gay go hơn nhiều. Việc luyện tập từng từ một cho từng đối tượng phải xưng hô trong từng ngữ cảnh và câu hỏi “tại sao” phải xưng hô như vậy luôn làm họ trăn trở. Cuối cùng, thời gian tiếp xúc với văn hóa và ngôn ngữ mà một người sử dụng trong bối cảnh giao tiếp liên văn hóa cũng sẽ tỉ lệ thuận với KTVH nền mà anh ta sẽ đạt được về ngôn ngữ ấy.

## 5. Kết luận

Văn hóa có mặt khắp nơi trong diễn ngôn. Nó là nền tảng của giao tiếp mà người tham gia cần được trang bị với tư cách KTVH nền. KTVH nền giúp chủ thể giao tiếp hình thành và tiếp nhận diễn ngôn. Vì vậy, có thể nói năng lực diễn ngôn của người giao tiếp lệ thuộc phần lớn vào KTVH nền mà họ có được. Và, nếu hiểu mạch lạc diễn ngôn là sự gắn kết các chuỗi diễn ngôn của người giao tiếp về mặt nội dung thì KTVH nền là một trong các yếu tố làm nên mạch lạc hiệu quả nhất. Nói về giao tiếp liên văn hóa, người tham gia cũng có thể thành công nếu có đủ KTVH nền nhưng cũng có thể thất bại nếu thiếu một nền tảng tối thiểu về KTVH nền của ngôn ngữ mà họ đang sử dụng.

## Tài liệu tham khảo

- [1] M. Agar, *Language Shock*. New York: William Morrow and Company, Inc, 1994.
- [2] L. Bloomfield, *Language*. Chicago and London: The University of Chicago Press, 1984.
- [3] Nguyễn Hòa, *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lí luận và phương pháp*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.

- [4] J. Cutting, *Pragmatics and Discourse*. New York and London: Routledge, 2002.
- [5] G. Yule, *The study of Language*. Cambridge: CUP, 2004.
- [6] Van Dijk, *The Discourse-Knowledge Interface*. In Gilbert Weiss & Ruth Wodak (Eds.), *Critical Discourse Analysis. Theory and Interdisciplinarity*. (pp. 85-109). Houndsmills, UK: Palgrave-MacMillan, 2003.
- [7] Nguyễn Quang, *Giao tiếp và Giao tiếp giao văn hóa*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- [8] L. Prodromou, *What Culture? Which Culture? Crosscultural Factors in Language Learning*, *ELT Journal*, Vol. 46/1/ OUP, 1992.
- [9] M. Saville-Troike, *The Ethnography of Communication: An Introduction*. Basi Blackwell, 1986.

## The Role of Culture and Background Knowledge of Culture in Discourse formation and interpretation

Ngo Huu Hoang

*Faculty of linguistics and cultures of English-speaking countries, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Culture-specific features are potentially exists in discourse. Therefore, when communicating, the speaker/writer and the hearer/reader are strongly supposed to have as much cultural knowledge of the language community as they can. In this sense, the article tried to discuss the role of culture and cultural knowledge in formation and interpretation in relation to (1) discourse competence (2) coherence và (3) intercultural communication. By (1), the article indicates that in order to form and interpret discourse, the more life experience or/and education the communicative participant has, the more fluent s/he is. By (2), cultural knowledge is unspoken but is what makes discourse coherence. By (3), in intercultural communication, cultural knowledge of the language used is necessary for participants to gain communicative a success.

*Key words:* culture, culture knowledge, discourse, discourse competence, coherence, intercultural communication.